Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A.M
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 63/2017/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A.M, ngày 10 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm: 1989

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu P, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bình Dương.

* Bị đơn: Anh **Lê Đại Â**, sinh năm: 1989

Địa chỉ cư trú: Ấp V.X, xã Đ.H, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Lê Đại Â

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trần Thị N và anh Lê Đại Â. Tiếp tục giao cháu Lê Nhật V, sinh ngày 29/4/2013 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung sau khi ly hôn.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Â xác nhận không có nên anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Về án phí TTLH: Chị Trần Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí TTLH số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0000358 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.M, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N còn được nhận lại số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo lai thu nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện A.M;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình